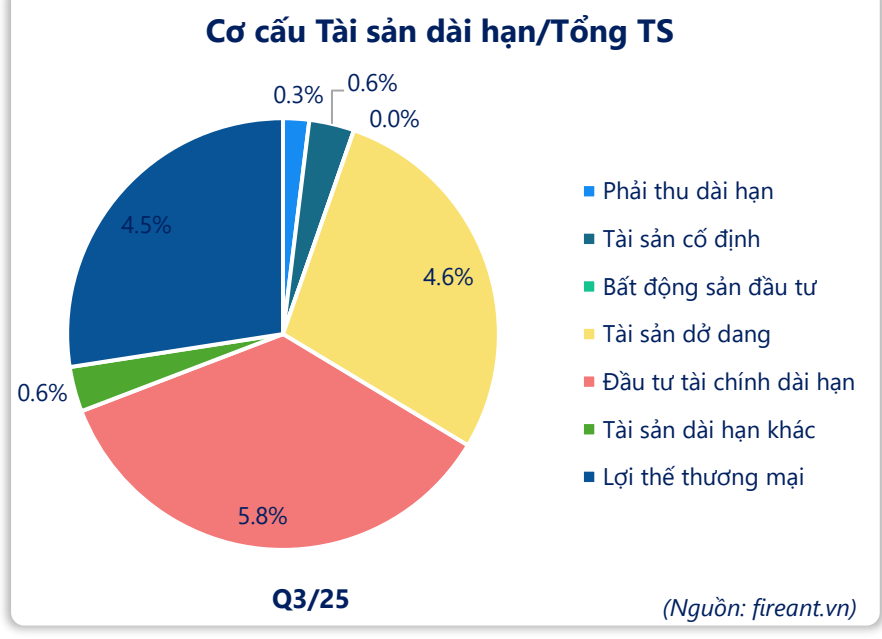
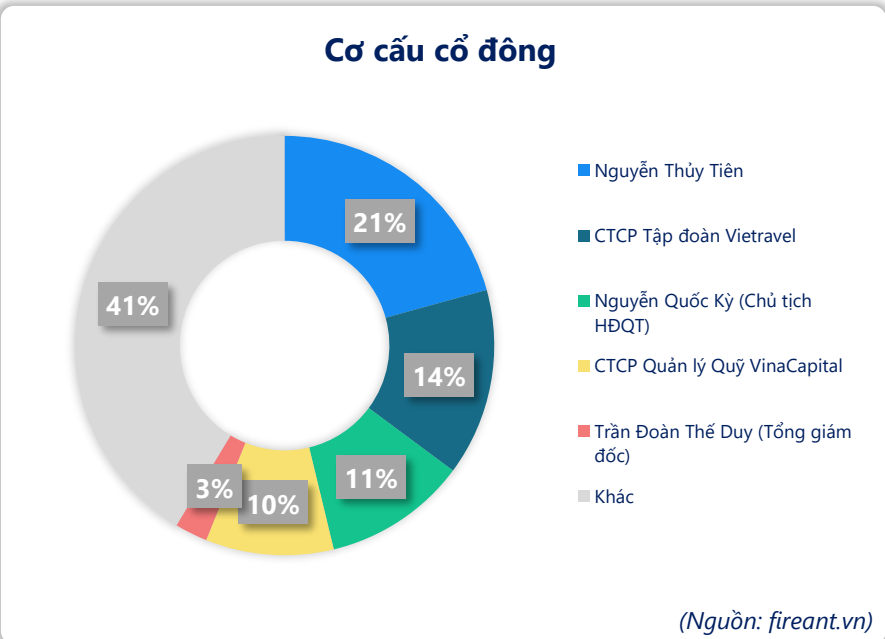
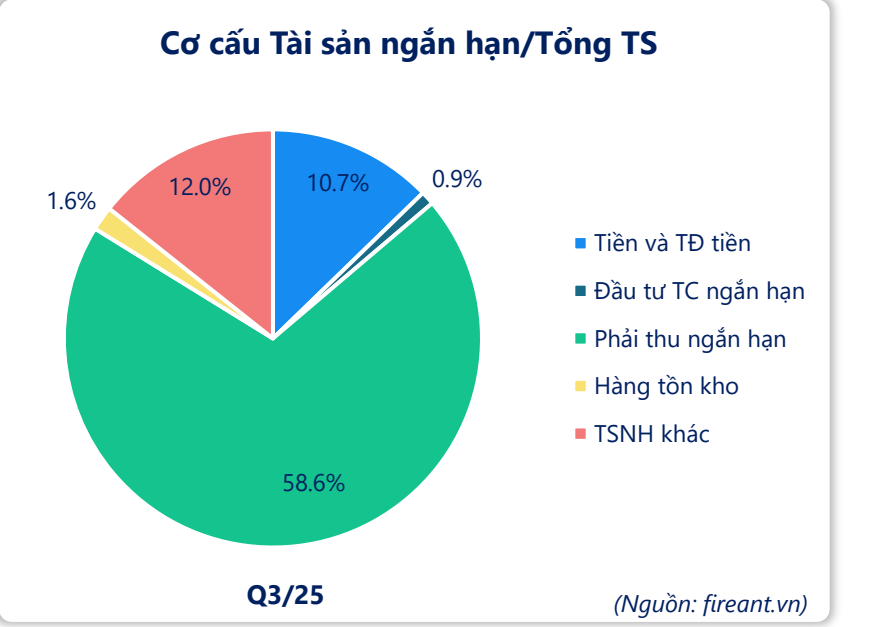
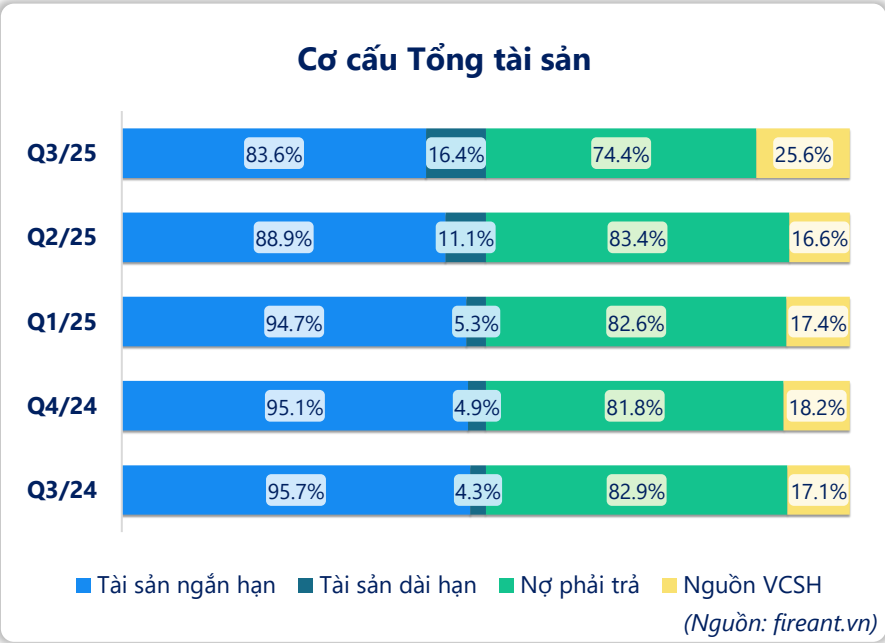
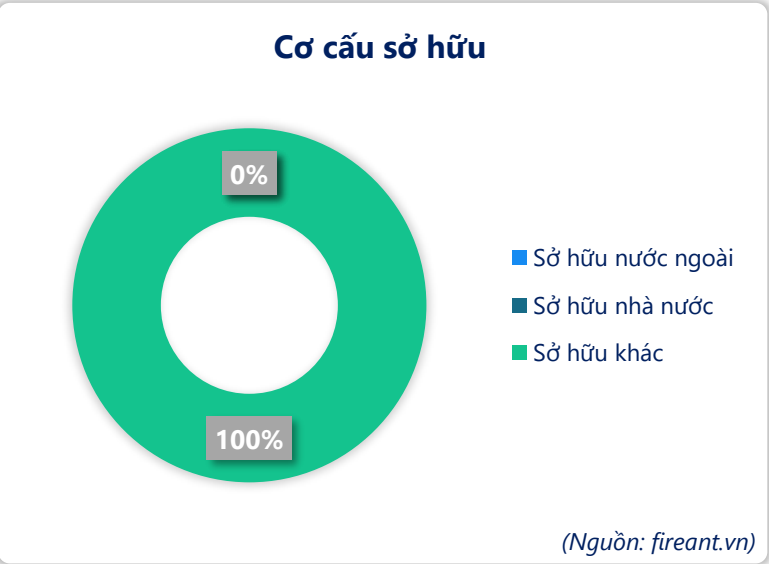
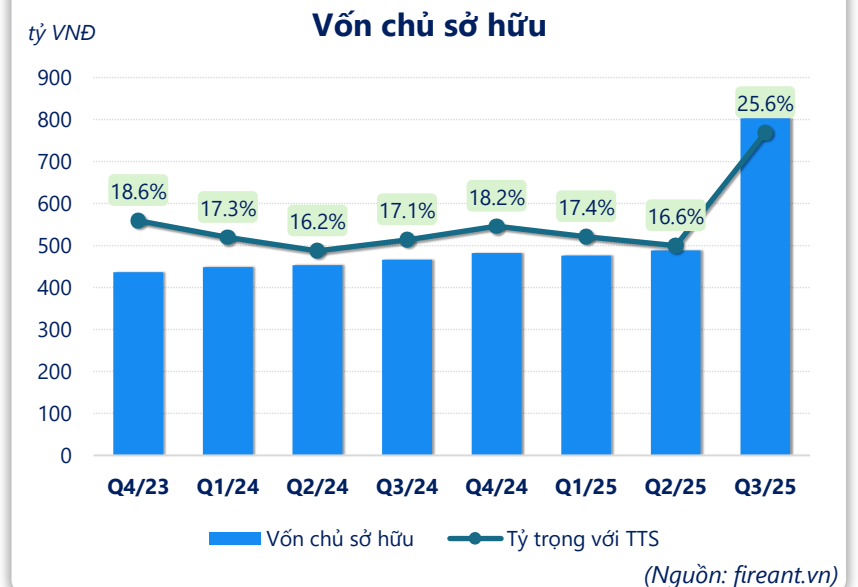
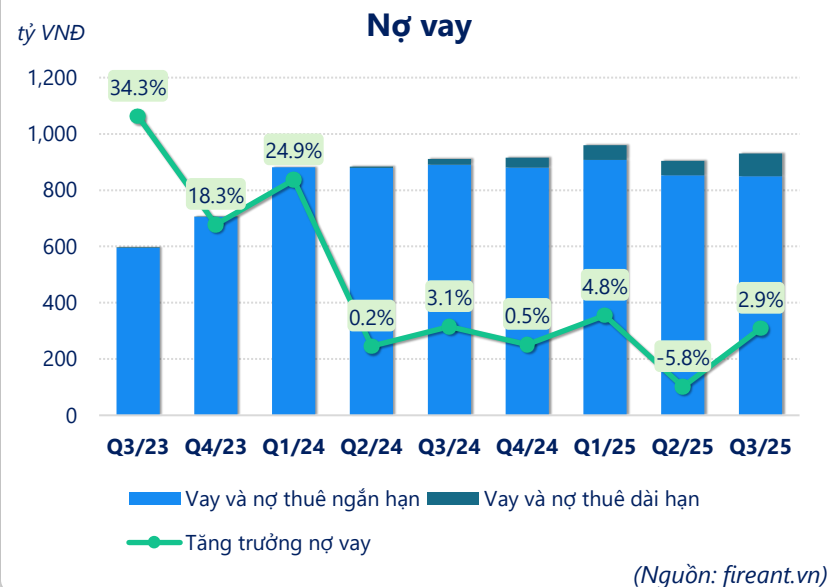
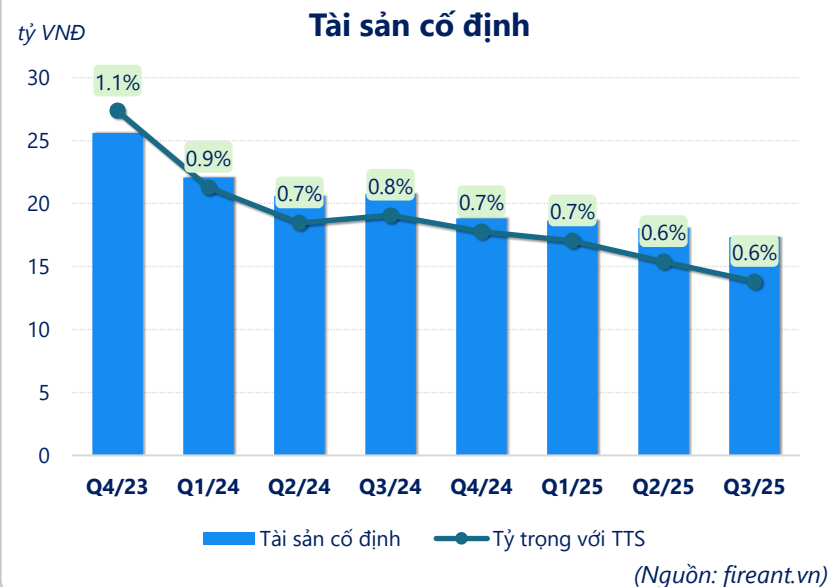
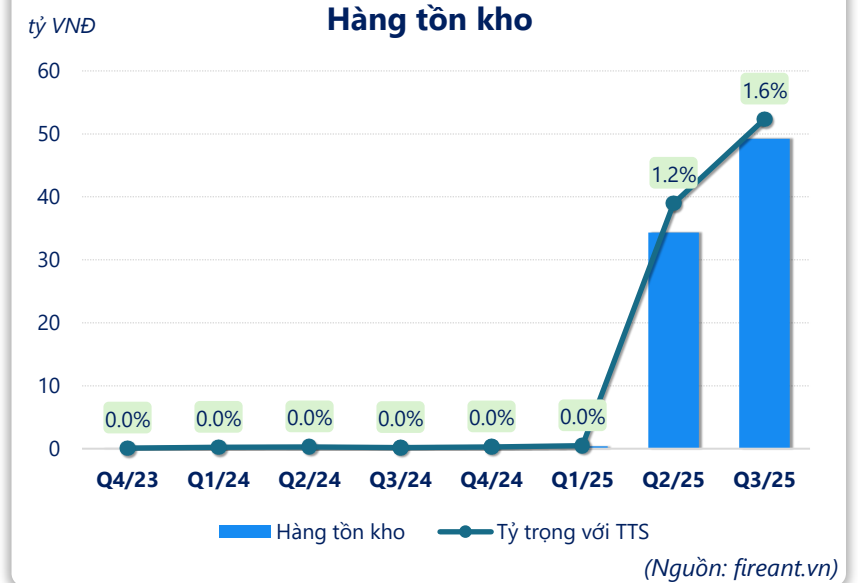
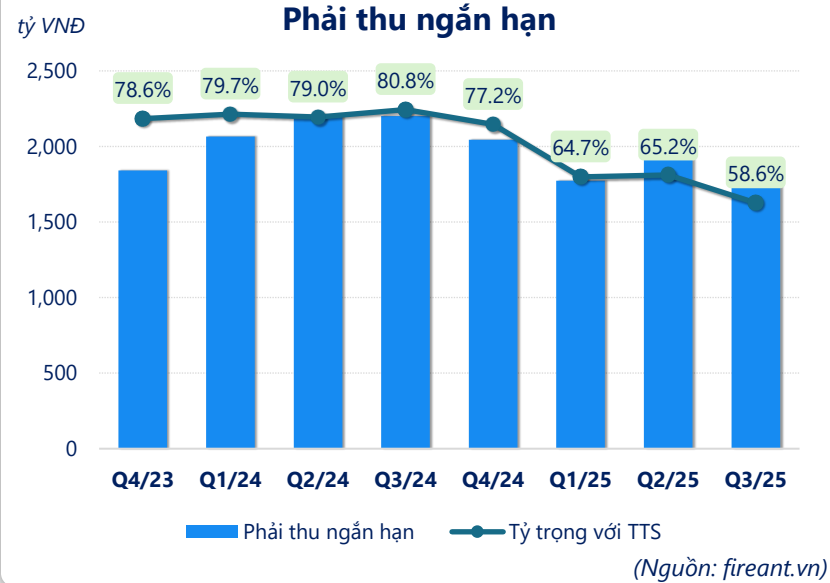
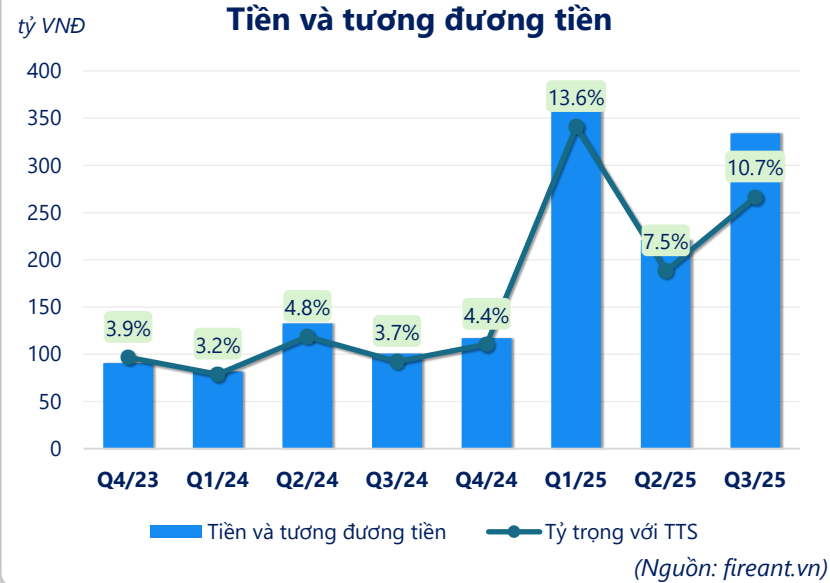
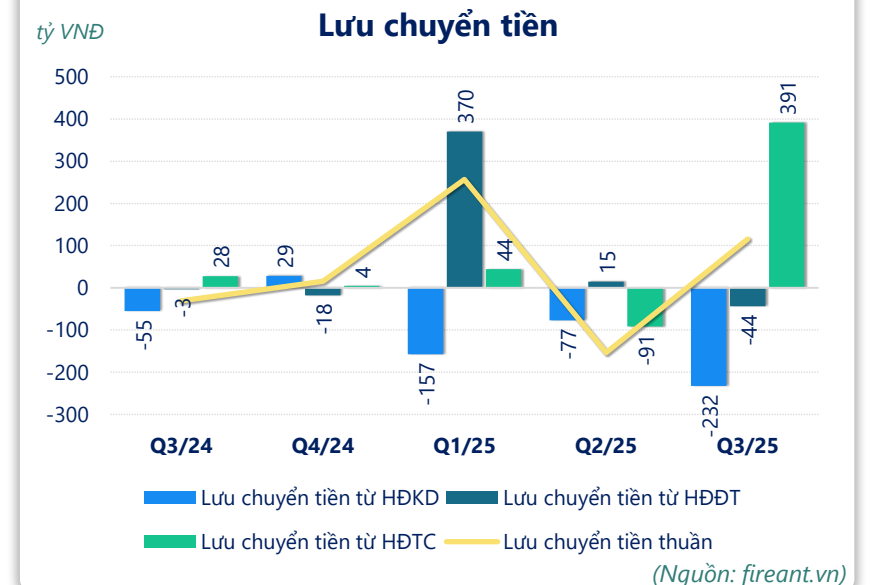
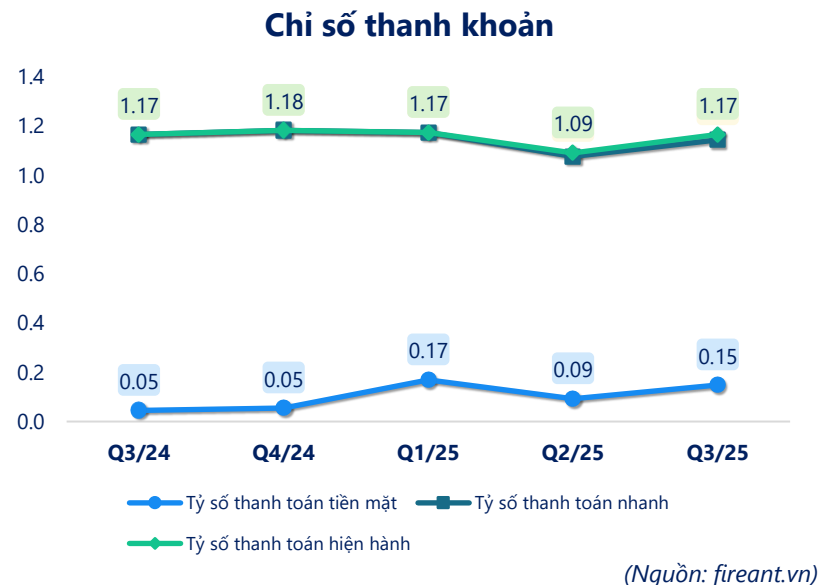
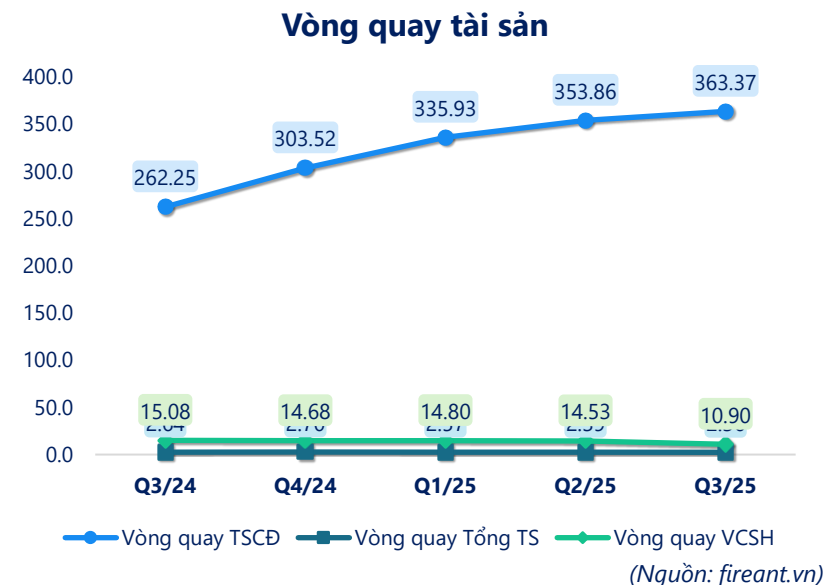
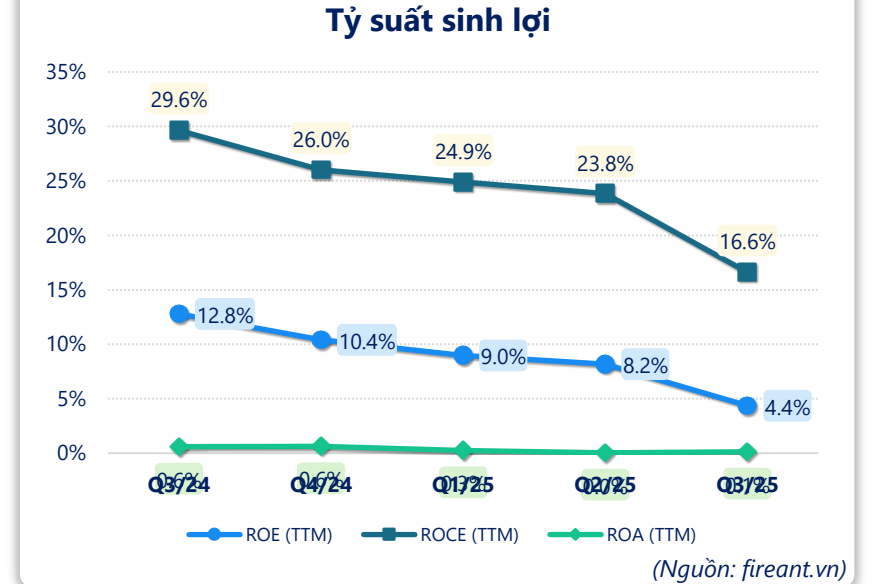
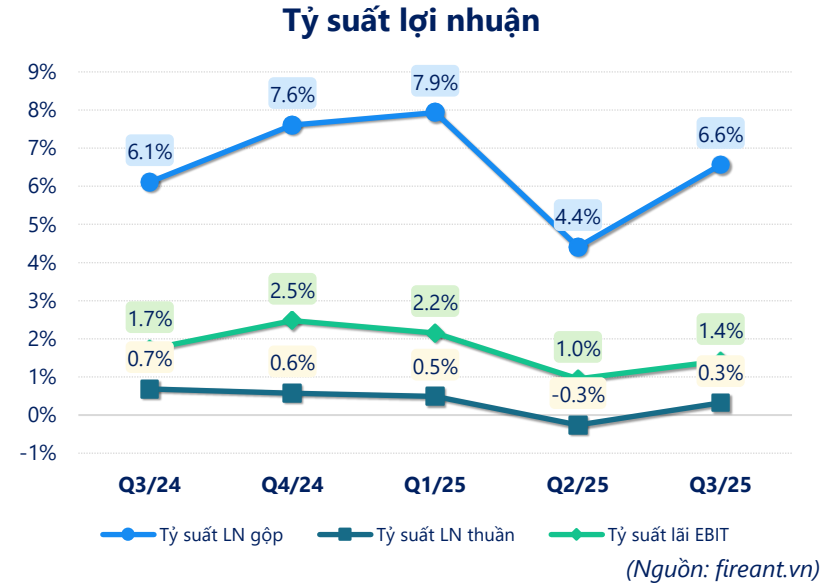
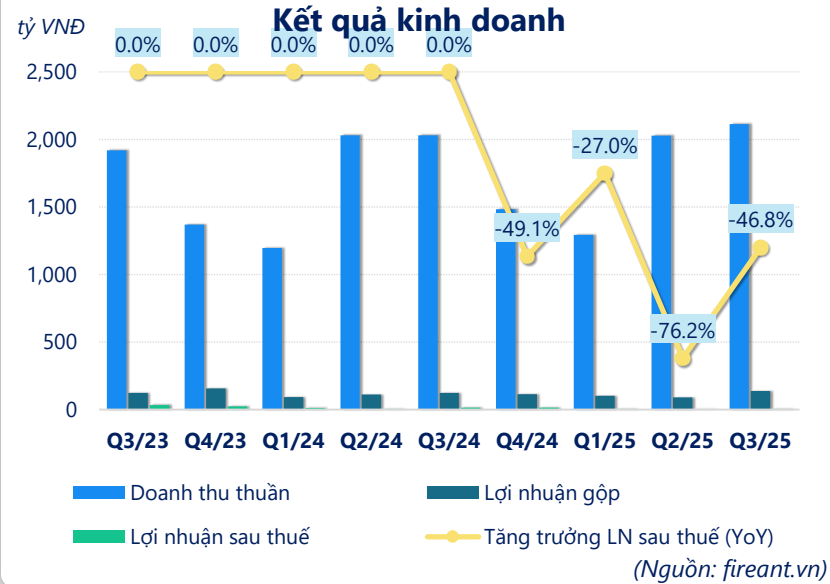


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,483
SL cổ phiếu LH		57,316,494
KLGD BQ 20 phiên (CP)		34,700
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		974
P/E		35.2
EPS		483

	YTD	1T	3T	6T
VTR	9.9%	-1.2%	6.7%	2.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,134	2,652	18.2%
Tài sản ngắn hạn	2,622	2,523	3.9%
Tiền và tương đương tiền	334	117	186%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.7	15.7	76.2%
Phải thu ngắn hạn	1,835	2,048	-10.4%
Hàng tồn kho	49.2	0.22	22171%
Tài sản ngắn hạn khác	375	342	9.9%
Tài sản dài hạn	513	130	295%
Phải thu dài hạn	10.0	8.22	22.0%
Tài sản cố định	17.3	19.0	-8.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	145	82.3	76.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	182	4.51	3941%
Tài sản dài hạn khác	17.3	15.2	14.0%
Lợi thế thương mại	141	0.48	29145%
Nợ phải trả	2,331	2,182	6.8%
Nợ ngắn hạn	2,249	2,148	4.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	849	147	477%
Phải trả người bán ngắn hạn	804	693	16.1%
Nợ dài hạn	82.4	34.2	141%
Vay và nợ thuê dài hạn	81.2	33.1	145%
Nguồn vốn chủ sở hữu	803	470	70.9%
Vốn chủ sở hữu	803	470	70.9%
Vốn điều lệ	579	292	98.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,030	1,484	1,294	2,029	2,114
Giá vốn hàng bán	1,906	1,371	1,192	1,940	1,976
Lợi nhuận gộp	124	113	103	89.5	139
Doanh thu HĐTC	5.16	8.36	2.02	5.54	3.42
Chi phí TC	21.2	21.8	21.5	15.0	23.5
Chi phí lãi vay	16.6	15.3	19.5	18.2	23.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.3	11.4	10.6	9.81	20.9
Chi phí QLDN	76.8	79.6	66.3	75.5	91.1
LN thuần từ HĐKD	13.9	8.50	6.31	-5.27	6.71
Lợi nhuận khác	4.70	13.0	2.12	6.43	-0.26
LN trước thuế	18.6	21.5	8.42	1.16	6.44
Lợi nhuận sau thuế	14.5	15.5	5.96	0.81	4.26
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	15.7	6.82	1.16	3.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.2	28.7	-157	-76.9	-232
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.44	-17.5	370	14.8	-43.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	27.6	4.46	44.0	-91.3	391
Tiền đầu kỳ	133	101	117	374	221
Lưu chuyển tiền thuần	-31.1	15.6	257	-153	116
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.85	0.75	0.23	0.68	-2.70
Tiền cuối kỳ	101	117	374	221	334

(Nguồn: fireant.vn)